

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01 năm 2021

Ngày 31 tháng 03 năm 2021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 74/GPĐC-UBCK ngày 19/11/2020 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015, ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021 này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 04 năm 2020
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 07 tháng 04 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021 này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính riêng Quý 01/2021 này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/03/2021 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		446.028.215.819	445.878.071.694
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	12.310.745.593	4.928.779.888
111	1. Tiền		11.458.052.052	2.928.779.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		852.693.541	2.000.000.000
120	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	5	413.541.470.852	416.060.672.146
121	1. Đầu tư ngắn hạn		143.798.470.852	416.060.672.146
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		269.743.000.000	-
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	6	20.078.330.432	14.821.775.298
132	1. Trả trước cho người bán		36.927.500	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		8.650.033.502	9.587.841.629
135	3. Các khoản phải thu khác		11.391.369.430	5.233.933.669
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	7	97.668.942	10.066.844.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		71.538.729	38.055.531
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.130.213	28.788.831
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	10.000.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		591.822.718	573.041.142
260	<i>I. Tài sản dài hạn khác</i>		591.822.718	573.041.142
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	410.710.517	476.085.447
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	181.112.201	96.955.695
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		446.620.038.537	446.451.112.836
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		284.160.103.324	293.898.052.616
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>		284.160.103.324	293.898.052.616
311	1. Vay ngắn hạn	10	254.141.500.000	279.210.000.000
312	2. Phải trả người bán		312.385.363	96.847.467
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.919.644.799	2.730.335.943
315	4. Phải trả người lao động		7.722.600	2.472.186.151
316	5. Chi phí phải trả		95.000.000	70.000.000
319	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12	25.308.763.483	8.943.595.976
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		375.087.079	375.087.079
400	<i>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</i>		155.402.660.524	152.553.060.220
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		17.877.261.841	8.466.435.508
423	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		16.070.890.750	15.574.842.090
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		446.620.038.537	446.451.112.836

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31/03/2021.

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		43.400.000.000	40.000.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		43.400.000.000	40.000.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		67.599.176.900	98.650.782.848
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	22	67.599.176.900	98.650.782.848
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		1.237.870.392.408	808.018.676.664
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	23	1.237.870.392.408	808.018.676.664
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	24	16.122.857.871	8.369.687.660
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	25	2,050,961,883	7.782.284.565

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 01/2021 VND	Quý 01/2020 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND
01	1. Doanh thu		3.379.089.855	1.649.801.528	3.379.089.855	1.649.801.528
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	14	3.379.089.855	1.649.801.528	3.379.089.855	1.649.801.528
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	15	(1.793.268.738)	(1.110.524.872)	(1.793.268.738)	(1.110.524.872)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		1.585.821.117	539.276.656	1.585.821.117	539.276.656
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16	16.135.163.256	81.144.479	16.135.163.256	81.144.479
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	17	(4.293.788.249)	-	(4.293.788.249)	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(968.602.383)	(340.421.013)	(968.602.383)	(340.421.013)
30	8. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		12.458.593.741	280.000.122	12.458.593.741	280.000.122
31	9. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	10. Chi phí khác		(60.000.000)	-	(60.000.000)	-
40	11. Lợi nhuận khác		(60.000.000)	-	(60.000.000)	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.398.593.741	280.000.122	12.398.593.741	280.000.122
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.2	(2.491.718.748)	(56.000.024)	(2.491.718.748)	(56.000.024)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.906.874.993	224.000.098	9.906.874.993	224.000.098
	- LN sau thuế TNDN của Công ty mẹ		9.115.984.243	224.000.098	9.115.984.243	224.000.098
	- LN sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát		790.890.750	90	790.890.750	90
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		729	90	729	90

[Handwritten signature]

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng



[Handwritten signature]

Bà Phạm Uyên Vy
 Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2021 VND	31/03/2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		12.398.593.741	280.000.122
	<i>Điều chỉnh:</i>			
03	1. Các khoản dự phòng		-	-
05	2. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư		(16.135.163.256)	-
06	3. Chi trả lãi vay		(3.969.461.668)	(81.144.479)
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		(7.706.031.183)	198.855.643
09	1. Giảm các khoản phải thu		(578.950.002)	24.718.721
11	2. Giảm/(tăng) các khoản phải trả		14.114.097.711	(2.046.202.354)
12	3. Giảm chi phí trả trước		(52.264.774)	37.463.893
13	4. Tiền lãi vay phải trả		3.543.335.720	-
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(846.481.185)	(677.841.492)
16	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.473.706.287	(2.463.005.589)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(940.283.799.208)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		957.529.000.502	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.726.000.000)	-
27	5. Lãi tiền gửi thu được		11.457.558.124	81.144.479
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.976.759.418	81.144.479

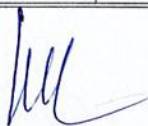
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2021 VND	31/03/2020 VND
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		169.644.500.000	
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(194.713.000.000)	
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(25.068.500.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.381.965.705	(2.381.861.110)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	4.928.779.888	9.323.948.810
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	12.310.745.593	6.942.087.700



Bà Phạm Uyên Vy
 Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2020		Đến 31/03/2020		Đến 31/03/2021		Ngày 31 tháng 03 năm 2021	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Ngày 31 tháng 03 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	25.000.000.000	125.000.000.000					25.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.502.584.086	1.755.891.311					1.502.584.086	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.502.584.086	1.755.891.311					1.502.584.086	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối		6.251.259.084	8.466.435.508	224.000.098		9.906.874.993		6.475.259.182	17.877.261.841
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			15.574.842.090			496.048.660			16.070.890.750
TỔNG CỘNG		34.256.427.256	152.553.060.220	224.000.098		10.402.923.653		496.048.660	162.459.935.213



Signature

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 74/GPĐC-UBCK cấp ngày 19/11/2020 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99.2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015, ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99.84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con.

Trong năm, Công ty thực hiện khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Finsight dưới hình thức góp vốn với tổng số tiền là 84.800.000.000 đồng, tương đương với tỉ lệ sở hữu là 84,73% và trở thành công ty mẹ của công ty này.

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 16 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

- ▶ Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:
- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng (tiếp theo)*

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
 - ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).
- ▶ Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ báo cáo quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí tài chính*" trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 01/2021 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 01/2021 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 01/2021 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong
- ▶ từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.10 *Công cụ tài chính*

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 01/2021, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền mặt bằng VND	38.080.163	69.264.983
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	11.419.971.889	2.859.514.905
Các khoản tương đương tiền	852.693.541	2.000.000.000
	12.310.745.593	4.928.779.888

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	24.240.000.000	24.240.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	20.886.000.000	16.160.000.000
Chứng khoán kinh doanh	97.599.620.852	251.987.822.146
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	269.743.000.000	122.600.000.000
Công ty CP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh	1.072.850.000	1.072.850.000
	413.541.470.852	416.060.672.146

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	912.487.472	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư TVS	7.239.749.378	9.056.129.640
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư khác	497.796.652	235.237.523
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		260.570.466
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	1.499.366.629	35.904.000
Trả trước người bán	36.927.500	
Lãi dự thu tiền gửi có kì hạn	9.889.002.801	5.211.397.669
Khác	3.000.000	22.536.000
	20.078.330.432	14.821.775.298

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phi thuê bao dữ liệu phần mềm	19.800.000	19.800.000
Phần mềm kế toán	5.949.998	-
Thuế GTGT được khấu trừ	26.130.213	
Khác	45.788.731	18.255.531
	97.668.942	30.742.254

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	130.839.637	196.939.665
Công cụ, dụng cụ	227.490.263	211.078.105
Chứng thư số quốc tế	37.093.233	
Khác	15.287.384	68.067.677
	410.710.517	476.085.447

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc thuê VP	61.898.200	61.898.200
Đặt cọc phí lưu ký	104.214.001	20.057.495
	181.112.201	96.955.695

10. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Vay ngân hàng	249.641.500.000	269.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	49.641.500.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt		19.000.000.000
Vay cá nhân	4.500.000.000	10.210.000.000
	254.141.500.000	279.210.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thuế GTGT phải nộp	-	3.264.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19.2)	2.479.136.410	1.298.446.458
Thuế thu nhập cá nhân	1.440.508.389	1.428.625.485
	3.919.644.799	2.730.335.943

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả hợp tác đầu tư	24.835.481.266	8.648.599.879
Phải trả hoạt động đầu tư	426.125.948	234.996.097
Phải trả khác	38.464.569	60.000.000
	25.300.071.783	8.943.595.976

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 79/QĐ-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99.84	124.800.000.000
Trần Vinh Quang	100.000.000	0.08	100.000.000
Lê Quang Tiến	100.000.000	0.08	100.000.000
	125.000.000.000	100.00	125.000.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

14. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND</i>
Phí quản lý danh mục đầu tư	1.321.994.652	885.458.955
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	1.321.994.652	885.458.955
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	584.051.607	395.453.217
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	569.718.819	368.889.356
Công ty CP Finhay Việt Nam	820.824.777	
Trần Việt Hưng	60.000.000	
Khác	22.500.000	
	<u>3.379.089.855</u>	<u>1.649.801.528</u>

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND</i>
Chi phí nhân viên	1.284.919.975	804.268.239
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.193.961	81.352.711
Chi phí thuê văn phòng	132.543.034	132.543.075
Thuế, phí và lệ phí	13.185.070	5.184.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.933.116	37.656.457
Chi phí bằng tiền khác	52.493.582	49.520.390
	<u>1.793.268.738</u>	<u>1.110.524.872</u>

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND</i>
Thu nhập lãi (lãi tiền gửi)	2.486.602.587	81.144.479
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.800.000.000	-
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	6.271.848.340	-
Lãi trái phiếu	2.576.712.329	-
	<u>16.135.163.256</u>	<u>81.144.479</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND</i>
Phí ngân hàng	-	-
Lãi vay cá nhân	620.148.271	-
Lãi vay ngân hàng	3.349.313.397	-
Phí giao dịch mua bán CK	406.826.581	-
Khác	-	-
	4.376.288.249	-

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	654.104.754	281.847.672
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.079.599	1.725.000
Thuế, phí và lệ phí	4.730.960	3.691.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.978.510	8.352.589
Chi phí khác	55.708.560	44.804.297
	968.602.383	340.421.013

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 01/2021 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 01/2021.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	12.398.593.741	280.000.122
<i>Điều chỉnh:</i>		
<i>Thù lao HĐQT</i>	-	
Lợi nhuận tính thuế ước tính	12.398.593.741	280.000.122
Chuyển lỗ	-	-
Thuế TNDN tạm tính (20%)-	2.479.718.748	56.000.024
Các khoản điều chỉnh tăng		
- <i>Chi phí không được trừ</i>	12.000.000	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	2.491.718.748	56.000.024

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (<i>đồng</i>)	9.115.984.243	280.000.122
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	12.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (<i>đồng/cổ phiếu</i>)	729	90

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.321.994.652	12.595.445.949
		Tăng tiền gửi ủy thác	382.731.895.445	836.678.167.484
		Giảm tiền gửi ủy thác	(413.574.941.824)	(748.773.424.341)
		Mua lại cổ phiếu TVGF2 từ TVS	-	(13.130.000.000)
		Chi cổ tức trong năm	-	(3.720.000.000)
		Phí lưu ký	(10.092.120)	(28.181.700)
		Góp vốn thành lập Finsight		15.000.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Tăng vốn tại TVAM		100.000.000.000
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	584.051.607	1.522.005.314
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Ban Điều hành và Tổng Giám đốc	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	569.718.819	1.420.144.007
		Lương, phụ cấp và thù lao	333.300.000	2.341.524.909

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	7.056.129.640	9.056.129.640
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	198.220.343	-
		Đầu tư ngắn hạn	24.240.000.000	24.240.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Đầu tư ngắn hạn	23.916.000.000	16.160.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	209.288.276	-

22. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ	98.650.782.848	10.159.902.758
Tăng trong kỳ	1.447.619.821.217	2.387.666.976.170
Giảm trong kỳ	(1.478.671.427.165)	(2.299.176.096.080)
Số cuối kỳ	67.599.176.900	98.650.782.848

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

23. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	424.529.566.899	355.522.753.045
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>	28.724.811.200	14.006.757.100
CTD	339.000	339.000
VNM	28.723.110.000	-
NVL	-	14.005.000.000
VJC	933.800	933.800
DMC	428.400	428.400
VSC		55.000
Chứng chỉ quỹ	226.040.505.470	159.589.135.873
Trái phiếu chưa niêm yết	497.900.320.032	292.906.787.746
Chứng chỉ tiền gửi	89.400.000.007	-
Hợp đồng tiền gửi	-	-
	<hr/>	<hr/>
	1.237.870.392.408	808.018.676.664

24. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu cổ tức	892.376.800	1.462.147.190
Phải thu lãi tiền gửi	13.086.901.096	-
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ quỹ	700.579.975	3.707.668.870
Phải thu bán chứng khoán	1.443.000.000	3.199.871.600
	<hr/>	<hr/>
	16.122.857.871	8.369.687.660

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	1.192.635.000	7.692.000.000
Phải trả phí khác	858.326.883	90.284.565
	2.050.961.883	7.782.284.565

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Dưới một (1) năm	1.272.950.700	1.272.950.700

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên số tiền chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 03 năm 2021					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.310.745.593	-	-	-	12.310.745.593
Đầu tư ngắn hạn- Góp	413.541.470.852	-	-	-	413.541.470.852
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	8.650.033.502	-	-	8.650.033.502
Các khoản phải thu khác	-	11.486.038.372	-	-	11.486.038.372
Ký quỹ, kỳ cược dài hạn	-	-	181.112.201	-	181.112.201
	425.852.216.445	20.136.071.874	181.112.201	181.112.201	446.169.400.520
Nợ phải trả tài chính					
Vay ngắn hạn	-	254.141.500.000	-	-	254.141.500.000
Chi phí phải trả	-	95.000.000	-	-	95.000.000
		254.141.500.000			254.236.650.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.928.779.888	2.000.000.000	-	-	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	416.060.672.146	-	-	-	416.060.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.587.841.629	-	-	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	15.233.933.669	-	-	15.233.933.669
Ký quỹ, kỳ cược dài hạn	-	-	96.955.695	-	96.955.695
	418.989.452.034	26.821.775.298	96.955.695	96.955.695	445.908.183.027
Nợ phải trả tài chính					
Vay ngắn hạn	-	279.210.000.000	-	-	279.210.000.000
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	-	70.000.000
		279.210.000.000			279.280.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021 của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.310.745.593	4.928.779.888	12.310.745.593	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	413.541.470.852	416.060.672.146	426.137.470.852	428.380.672.146
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	11.486.038.372	15.317.714.524	11.486.038.372	15.317.714.524
Ký quỹ, ký cược dài hạn	181.112.201	96.955.695	181.112.201	96.955.695
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8.650.033.502	9.587.841.629	8.650.033.502	9.587.841.629
	446.169.400.520	445.991.963.882	458.765.400.520	458.311.963.882
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn	254.141.500.000	279.210.000.000	254.141.500.000	279.210.000.000
Nợ phải trả	95.000.000	70.000.000	95.000.000	70.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	-	-
	254.236.650.000	279.280.000.000	254.236.650.000	279.280.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 01/2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

B09a-CTQ

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất Quý 01/2021 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 01/2021.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 04 năm 2021